TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NINH BÌNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hanh phúc**
Số: 107/2019/QĐST- HNGĐ	*TP. Ninh Bình, ngày 19 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 144/2019/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Lê Thị T**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số nhà 55, đường X, phố P, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Lê Toàn Th, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số nhà 55, đường X, phố P, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ vào Điều 357 **c**ủa Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.
- Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/6/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị T và anh Lê Toàn Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị T và anh Lê Toàn Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể cải thiện được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

b. *Về con chung:* Anh Lê Toàn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Gia H, sinh ngày 20/6/2013, chị T cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở và có quyền yêu cầu xin thay đổi việc nuôi con chung.

c. *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị T và anh Th đều xác định không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

d. *Về án phí ly hôn*: Chị Lê Thị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

đ. *Về án phí cấp dưỡng*: Chị Lê Thị T phải nộp số tiền là 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng.

Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001141 ngày 30/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi xuất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND- TPNB;*
- *Chi cục THA TPNB;*
- *UBND phường T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu án văn./.*

THẨM PHÁN
(đã ký)

Trần Thị Sâm